

Đà Lạt, ngày 04 tháng 6 năm 2025

Số: 25/2025/QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT – TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ khoản 2 Điều 29, khoản 2 Điều 35, khoản 2 Điều 40, Điều 48, Điều 147, Điều 212, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số 276/2025/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2025 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Một bên là: Ông Nguyễn Văn Thành, sinh năm: 1992.

Trú tại: Tổ 3, thôn L, xã X, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Và một bên là: Bà Trần Thị Thanh Nhã, sinh năm: 1984.

Trú tại: Tổ 3, thôn L, xã X, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Nguyễn V. Th và Bà Trần Th. Th. Nh kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, Ông Th và bà Nh đã thực hiện việc đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Thọ, thành phố Đà Lạt vào ngày 03/01/2013. Do đó, hôn nhân giữa Ông Th và bà Nh là hợp pháp.

Về mâu thuẫn trong hôn nhân theo Ông Th và bà Nh trình bày thì: Do vợ chồng không hòa hợp, không có tiếng nói chung nên trong thời gian chung sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, to tiếng, không tôn trọng nhau và vợ chồng đã sống ly thân được 04 – 05 năm trở lại đây. Nay, Ông Th và bà Nh đều đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận ly hôn của ông bà.

Qua đó có cơ sở xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng Ông Th và bà Nh đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn của ông Th và bà Nh.

[2] Về con chung:

Ông Th và bà Nh xác định, vợ chồng có 02 con chung tên **Nguyễn V. D, sinh ngày: 31/8/2012 và Nguyễn Tr. Nh. U, sinh ngày: 05/8/2018.**

Khi ly hôn, ông bà thỏa thuận giao 02 con cho Bà Trần Th. Th. Nh trực tiếp nuôi dưỡng, Ông Nguyễn V. Th sẽ thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi thành niên với số tiền là 3.000.000đ/tháng/02con, mỗi con là 1.500.000đ/tháng (*Một triệu năm trăm nghìn đồng/tháng*), thời gian thực hiện cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 6/2025.

Xét, việc thỏa thuận của **Ông Th và bà Nh** là tự nguyện, không vi phạm điều cấm, không trái quy định của pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của con chung nên cần ghi nhận sự thỏa thuận của **Ông Th và bà Nh** về người trực tiếp nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con khi vợ chồng ly hôn.

[3] Về tài sản chung: Ông Th và bà Nh cùng xác định, vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Ông Th và bà Nh cùng xác định, vợ chồng không có nợ chung.

[5] Về án phí, lệ phí Tòa án: Ông Th và bà Nh thỏa thuận chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Ông Nguyễn V. Th và Bà Trần Th. Th. Nh thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:**

Vợ chồng có 02 con chung tên **Nguyễn V. D, sinh ngày: 31/8/2012 và Nguyễn Tr. Nh. U, sinh ngày: 05/8/2018.**

Khi ly hôn, ông bà thỏa thuận giao 02 con cho Bà Trần Th. Th. Nh trực tiếp nuôi dưỡng; Ông Nguyễn V. Th thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung cho đến khi các con thành niên với số tiền là 3.000.000đ/tháng/02con, mỗi con là 1.500.000đ/tháng (*Một triệu năm trăm nghìn đồng/tháng*), thời gian thực hiện cấp dưỡng tính từ tháng 6/2025

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân gia đình.

Căn cứ Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, kể từ ngày bên được thi hành án dân sự có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền phải trả, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi trên số tiền chưa thi hành án.

- **Về tài sản chung:** Ông Th và bà Nh cùng xác định, vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nợ chung:** Ông Th và bà Nh cùng xác định, vợ chồng không có nợ chung.

2. Về án phí, lệ phí Tòa án: Ông Nguyễn V. Th và Bà Trần Th. Th. Nh thỏa thuận chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền đã nộp theo biên lai thu số 0002118 ngày 12/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt; Ông Th và bà Nh đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bên được thi hành án dân sự, bên phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Đà Lạt;
- Chi cục THA dân sự TP. Đà Lạt;
- UBND xã Xuân Thọ, thành phố Đà Lạt;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Đặng Thị Thới